

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 261/2026/DS-PT

Ngày: 14-5-2026

V/v: “Tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

*Các Thẩm phán:* Ông Dư Thành Trung

Ông Nguyễn Thế Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2026/TLPT-DS ngày 09 tháng 4 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2025/DS-ST ngày 16/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 303/2026/QĐ-PT ngày 21/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 237/2026/QĐ-PT ngày 05/5/2026, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà **Trần Mỹ H**, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số nhà D đường B, Phường A B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông **Hồ Khắc N**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ E, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/7/2025). Có mặt.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư **Trần Nhật H1** – Văn phòng Luật sư Ngô Viết thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Lê Thị H2**, sinh năm 1980 và ông **Nguyễn Bá H3**, sinh năm 1976. Cùng địa chỉ: Số nhà E, đường Đ, Phường A B, tỉnh Lâm Đồng. Bà H2 và ông H3 đều có mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Bá H3 – Bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Mỹ H là ông Hồ Khắc N trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 18/4/2023 bà Trần Mỹ H có cho ông Nguyễn Bá H3 và bà Lê Thị H2 vay số tiền 7.850.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn trả là 90 ngày kể từ ngày vay; đến thời hạn trả bà H đã đòi nhiều lần nhưng bị đơn chỉ hứa hẹn, đến nay vẫn không trả gốc và lãi. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu bà H2, ông H3 trả cho bà số tiền 9.877.105.000 đồng, trong đó gồm tiền vay gốc 7.850.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 18/4/2023 đến ngày 16/12/2025 là 31 tháng 28 ngày x 10%/năm x 7.850.000.000 đồng, nhưng bà chỉ yêu cầu số tiền lãi là 2.027.105.000 đồng và tiền lãi cho đến khi bà H2, ông H3 trả xong khoản vay.

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà H yêu cầu lãi suất 1,66% nay bà H rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 2.448.895.000 đồng.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị H2 và ông Nguyễn Bá H3 trình bày:*

Cuối năm 2019 và năm 2020 ông bà có vay của bà H số tiền 6.000.000.000 đồng, lãi suất là 1.500đồng/1.000.000đồng/1 ngày. Do làm ăn thua lỗ không có tiền trả lãi hàng tháng, bà H đã tính gốc và lãi là 11.500.000.000 đồng nên bà đã trả nợ cho bà H bằng cách chuyển nhượng thửa đất tại số E đường Đ cho bà H, giá trị thửa đất là 16.500.000.000 đồng, tại thời điểm đó bà đang thế chấp vay Ngân hàng số tiền 5.000.000.000 đồng nên bà H đã đưa thêm 5.000.000.000 đồng để trả Ngân hàng lấy sổ ra, còn lại số tiền 11.500.000.000đ bà H đã trừ vào số tiền gốc và lãi ông bà vay bà H nên ông bà đã trả xong nợ cho bà H. Đề nghị Tòa án xem xét tính lại số tiền lãi của số tiền vay gốc 6.000.000.000 đồng và buộc bà H trả lại tiền thừa cho bà.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2025/DS-ST ngày 16/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Mỹ H đối với bà Lê Thị H2, ông Nguyễn Bá H3 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Buộc bà Lê Thị

H2, ông Nguyễn Bá H3 có trách nhiệm trả cho bà Trần Mỹ H số tiền 9.877.105.000 đồng, gồm tiền vay gốc 7.850.000.000 đồng và tiền lãi là 2.027.105.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà H đối với số tiền lãi 2.448.895.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 20/01/2026 bị đơn ông Nguyễn Bá H3 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa hôm nay,*

Bị đơn ông Nguyễn Bá H3 vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông H3, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Bá H3 và thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Trần Mỹ H khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị H2, ông Nguyễn Bá H3 trả nợ vay gốc và lãi; bị đơn không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Bá H3 thấy rằng:

[3.1]. Theo bản chính Giấy mượn tiền ngày 18/4/2023 do nguyên đơn cung cấp có nội dung “...*tôi tên Lê Thị H2: 1980; Nguyễn Bá H3 1976; E Đình Tiên Hoàng P Bảo Lộc L cấp ngày 2/9/2021 tôi có mượn của chị H 7.850.000.000 (bảy tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng) Hẹn 90 ngày trả gốc và lãi...đã nhận đủ tiền...*” có chữ ký và ghi họ tên Nguyễn Bá H3, Lê Thị H2. Bà H2, ông H3 thừa nhận chữ ký, chữ viết tại Giấy mượn tiền nêu trên là của ông bà. Do đó, có căn cứ xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 7.850.000.000 đồng là có thật trên thực tế.

Bị đơn không đồng ý trả nợ vì cho rằng năm 2019 có vay của bà H ba lần tổng cộng là 6.000.000.000 đồng, lãi suất 1.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Trong quá trình vay thì bà H2 không trả lãi theo tháng mà đến cuối năm 2021 bà đã trả cho bà H số tiền lần lượt là: Lần thứ nhất 900.000.000 đồng, lần thứ hai là 500.000.000 đồng, lần thứ ba là 80.000.000 đồng trong đó hai lần đầu trả bằng tiền mặt, lần thứ ba chuyển khoản cho ông Trương Minh T (chồng của bà Trần Mỹ H). Bà H tính tiền gốc và tiền lãi tổng cộng là 11.500.000.000 đồng; do số tiền quá lớn không có khả năng trả nên bị đơn đã chuyển nhượng cho bà H thửa đất số 995, tờ bản đồ F.135.II.B, tại Số E đường Đ, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng để trả nợ với giá 16.500.000.000 đồng, trừ vào số tiền bà H2 vay ngân hàng 5.000.000.000 đồng, bà H lấy lại số tiền 11.500.000.000 đồng. Sau đó bà H đã đưa lại cho bà H2 2.000.000.000 đồng và tính lãi 1.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Từ thời điểm đó đến ngày 18/4/2023 bà H tới nhà tính lãi và bắt bà ký vào giấy nợ gốc và lãi là 7.850.000.000 đồng.

Xét thấy, bà H2 không xuất trình được tài liệu chứng cứ, chứng minh cho khoản vay ngày 18/4/2023 là khoản chốt nợ gốc và lãi của khoản vay năm 2019, cũng như không chứng minh được đây là khoản vay từ số nợ gốc 2.000.000.000 đồng được tính cộng với lãi thành 7.850.000.000 đồng, không có chứng cứ chứng minh bị ép buộc, đe dọa khi ký vào Giấy mượn tiền ngày 18/4/2023; trong khi đó nguyên đơn không thừa nhận. Vì vậy, cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả số tiền vay gốc nêu trên cho nguyên đơn.

[3.2]. Đối với yêu cầu tính lãi thì thấy rằng: Giấy mượn tiền ngày 18/4/2023 là hợp đồng vay có thời hạn, có tính lãi. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 18/4/2023 đến ngày 16/12/2025 là 31 tháng 28 ngày x 10%/năm x 7.850.000.000 đồng = 2.088.972.000 đồng nhưng chỉ yêu cầu bị đơn trả 2.027.105.000 đồng, xét yêu cầu này phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc 7.850.000.000 đồng và tiền lãi 2.027.105.000 đồng, tổng cộng là 9.877.105.000 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật.

Ông H3 kháng cáo nhưng không xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông H3.

[4]. Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H3 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Ông H3 và bà H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Bá H3, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 105/2025/DS-ST ngày 16/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Mỹ H đối với bà Lê Thị H2, ông Nguyễn Bá H3 về việc: *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”*.

Buộc bà Lê Thị H2, ông Nguyễn Bá H3 có trách nhiệm trả cho bà Trần Mỹ H số tiền 9.877.105.000 (*Chín tỷ tám trăm bảy mươi bảy triệu một trăm lẻ năm nghìn*) đồng, trong đó gồm tiền vay gốc là 7.850.000.000 đồng và tiền lãi là 2.027.105.000 đồng.

**2.** Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Mỹ H đối với số tiền lãi 2.448.895.000 đồng.

**3.** Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị H2, ông Nguyễn Bá H3 phải chịu 117.877.000 (*Một trăm mười bảy triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Mỹ H số tiền 59.548.000 (*Năm mươi chín triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000844 ngày 21/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Lâm Đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Bá H3 phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng ông H3 đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0002910 ngày 13/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Ông H3 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

**4.** Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày 17/12/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành Án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND Kv4 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS Kv 4 – Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Văn phòng TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: Lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Nguyễn Thanh T1**

